

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2026/HS-ST

Ngày 08 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;

2. Ông Đặng Đình Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 244/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2026/HSST-QĐ ngày 19/5/2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian phiên tòa xét xử vụ án số 57/2026/TB-TA ngày 01/6/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T1; giới tính: Nam, sinh ngày 28/8/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 07920001xxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 486/3 P, khu phố H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: 486/3 P, Khu phố H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1976; Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 03 người con; Vợ con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc A; giới tính: Nữ, sinh ngày 10/5/1988 tại Hưng Yên; CCCD số: 03418801xxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16 Q, phường B, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ B15.07 Chung cư R, D L, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1957; Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 04 người con; Chồng: Đã ly hôn, con: 02 người con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Cẩm P; giới tính: Nữ, sinh ngày 25/9/1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 07919900xxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 155B V, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: 17/21 T, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Quỳnh D1, sinh năm 1973; Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 02 người con; Chồng, con: không có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phan Tiến Đ; giới tính: Nam, sinh ngày 28/02/2001 tại Vĩnh Long; CCCD số: 08320100xxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở trước khi bị bắt: 113/21/6 V, Khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn T6, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị T7, sinh năm 1982; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 02 người con; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trịnh Ngọc H; giới tính: Nam, sinh ngày 09/10/1993 tại thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 07909300xxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1 T, Khu phố H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt 1 T, Khu phố H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phí Ngọc H1, sinh năm 1968 và bà Trịnh Thị L (Đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Thái Thị Thùy T8, sinh năm 1993, con: 01 người con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn T1:* Bà Lê Thị Thanh L1, sinh năm 1990 - Luật sư Công ty L7. (Có mặt)

Địa chỉ: A đường số A, Khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A:* Bà Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 1996 là luật sư Công ty L8 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số B, Đường số E, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Tiến Đ:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1981 là

luật sư Công ty L9 và Cộng Sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Ngọc Q, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: G Đ, tòa nhà C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Sen Cẩm D2, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Chung cư M, T, A Xa Lộ H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ: A Đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Thái T9, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ P Vinhomes Y 720A Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Phạm Phương L3, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ C C/c E P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Vũ Thành L4, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: I N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Trương Nguyễn Hoàng Q1, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: B - B H, Khu phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Nguyễn Trọng Minh K, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: C đường C khu N, Khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 50 phút ngày 27/7/2025, Tổ công tác Công an phường S, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh quán “Lava” tại địa chỉ 7 H, phường S, do Nguyễn Thị Ngọc A làm chủ. Tại thời điểm kiểm tra, Tổ công tác phát hiện quán “Lava” đang bán khí N2O (khí cười) trái phép cho các khách hàng sử dụng tại quán. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ vật chứng gồm: 05 bình kim loại (loại 3kg) chứa khí N2O; 02 bộ dụng cụ sử dụng Shisha; 41 vỏ bóng cao su; 01 CPU máy tính, kèm theo các hóa đơn tính tiền từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/07/2025; 01 máy chấm công và đưa Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ, Trịnh Ngọc H về trụ sở, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (Phòng PC03) để lập hồ sơ xử lý.

Kết quả điều tra, xác định Q2 “Lava” tại địa chỉ 7 H, phường S thuộc Công ty TNHH T14, mã số doanh nghiệp: 031636xxxx, do Nguyễn Thị Ngọc A làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Công ty đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống, bán rượu, bia, nước giải khát và phục vụ khách tại chỗ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty T14 có các thành viên góp vốn gồm: Nguyễn Thị Ngọc A vốn góp chiếm 72,5%, Phan Ngọc Q vốn góp 15%, S2 vốn

góp 12,5% từ năm 2020 đến cuối năm 2024, do việc kinh doanh thua lỗ và phát sinh mâu thuẫn với Ngọc A nên Q, Sen Cẩm D2 đã rút vốn khỏi hoạt động kinh doanh tại quán “Lava”, không còn liên quan đến hoạt động của quán, không hưởng lợi từ hoạt động kinh doanh của quán, nhưng không tham gia điều hành, quản lý, chỉ đạo nhân viên trong hoạt động kinh doanh của quán “Lava”.

Từ khoảng tháng 04/2024 đến khoảng cuối tháng 05/2025, Nguyễn Thị Ngọc A đã chỉ đạo nhân viên gồm “Tài”, “Đào”, “Jen Ngô” (không rõ lai lịch) tìm nguồn cung mua khí N2O (khí cười) để bán trái phép cho khách hàng sử dụng trực tiếp tại quán “Lava”. Khi cần thanh toán tiền mua khí cười, “Tài”, “Đào”, “Jen Ngô” báo cho Ngọc A thực hiện việc chuyển tiền.

Để che giấu hành vi bán khí cười, Ngọc A chỉ đạo ghi nội dung trên hóa đơn bán hàng là “Pineapple” thay cho bóng cười. Hàng ngày, từ khoảng 18 giờ 30 phút đến 02 giờ sáng ngày hôm sau, khách đến quán “Lava” sử dụng dịch vụ ăn, uống, nếu khách muốn sử dụng bóng cười, nhân viên phục vụ nhận yêu cầu, bơm khí N2O từ các bình kim loại vào bóng cao su để cung cấp cho khách sử dụng tại bàn. Nguồn khí N2O được chứa trong các bình kim loại, loại 3kg, được cất giấu tại khu vực bếp phía sau quán “Lava”. Sau khi khách sử dụng xong, nhân viên phục vụ kiểm đếm số lượng bóng cười đã bán theo từng bàn, báo lại cho Nguyễn Thị Cẩm P (thu ngân) để in hóa đơn tính tiền cho khách. Phần mềm bán hàng Ngọc A sử dụng là “CukCuk” (ứng dụng của Công ty Cổ phần M2) với tài khoản id “lava”, truy cập tại địa chỉ lava.cukcuk.vn. Về phương thức thanh toán, trước tháng 06/2025, khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc quét thẻ qua máy MPOS của quán. Sau khi nhận tiền từ khách, P nộp tiền vào tài khoản số 101522xxxx mở tại Ngân hàng V đứng tên Nguyễn Thị Cẩm P, sau đó chuyển toàn bộ số tiền thu được vào tài khoản số 1902961401xxxx mở tại Ngân hàng T15 đứng tên Nguyễn Thị Ngọc A. Ngoài ra, khách hàng còn chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Ngọc A thông qua mã Q3. Đến khoảng giữa tháng 06/2025, Ngọc A ngưng việc thanh toán bằng hình thức quét thẻ qua máy MPOS, chuyển sang thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản Ngọc A.

Nguyễn Thị Cẩm P làm việc toàn thời gian tại quán “Lava” từ tháng 10/2023, chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp từ Ngọc A, mức lương cố định 6.000.000 đồng/tháng và được hưởng thêm tiền hoa hồng. Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 27/7/2025, P đã lĩnh lương là 36.000.000 đồng. Hàng ngày, P tổng hợp doanh thu bán bóng cười, ký hiệu là “Pineapple”, chụp hình bảng tổng hợp và gửi vào nhóm “WhatsApp” tên “Báo cáo doanh thu”, gồm các thành viên P, Ngọc A, Q và Lê Nguyễn Ngọc L2 (kế toán dịch vụ từ xa) để Ngọc A biết, theo dõi và quản lý doanh thu.

Từ đầu tháng 06/2025, Ngọc A giao cho P trực tiếp tìm nguồn cung khí N2O. Thông qua mạng xã hội, P biết Nguyễn Văn T1 có cung cấp khí N2O nên liên hệ đặt mua. P liên hệ với T1 qua ứng dụng Zalo, T để đặt mua các bình khí N2O, loại 3kg, mỗi lần đặt từ 01 đến 04 bình, với giá dao động từ 2.800.000 đồng đến 3.800.000 đồng/bình tùy từng thời điểm. P đã đặt mua khí N2O của T1 19 lần, với tổng số tiền thanh toán là 163.600.000 đồng, tương đương từ 40-50 bình khí N2O. P thanh toán tiền mua khí N2O chuyển khoản vào tài khoản số 77xxxx mở tại Ngân hàng T15 đứng tên Nguyễn Văn T1. Sau khi nhận được yêu cầu, T1 thuê dịch vụ

vận chuyển công nghệ “G” hoặc “Bee” giao các bình khí N₂O đến quán “Lava”. Khi nhận hàng, P cùng các nhân viên phục vụ sẽ đưa các bình khí vào khu vực bếp phía sau để cất giấu và sử dụng dần cho việc bơm bóng cười bán cho khách. Mỗi bình khí N₂O, loại 3kg, bơm được 30 quả bóng. Trịnh Ngọc H, Phan Tiến Đ là nhân viên phục vụ, làm việc cố định tại nhà hàng “Lava” từ tháng 10/2023, thực hiện công việc theo sự quản lý, điều hành trực tiếp duy nhất từ Ngọc A. Trong quá trình làm việc, H và Đ được giao nhiệm vụ phục vụ khách tại bàn, đồng thời bơm khí N₂O vào bóng cao su để cung cấp cho khách. Sau khi khách sử dụng xong, H và Đ sẽ kiểm đếm số lượng bóng đã bán theo từng bàn và báo lại cho P để nhập vào phần mềm bán hàng và in hóa đơn tính tiền cho khách. Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 27/7/2025, Đ có mức lương 5.500.000 đồng/tháng và được hưởng thêm tiền hoa hồng; Đ đã nhận tổng số tiền lương là 42.000.000 đồng. H có mức lương 4.500.000 đồng/tháng và được hưởng thêm tiền hoa hồng, H đã nhận tổng số tiền lương khoảng 42.000.000 đồng.

Do khí cười N₂O được mua trôi nổi trên thị trường, là mặt hàng thuộc danh mục cấm kinh doanh, nên không có hóa đơn, chứng từ đầu vào và không được quán “Lava” kê khai, báo cáo thuế theo quy định. Quá trình điều tra xác định việc mua khí cười diễn ra trong thời gian dài, từ nhiều nguồn khác nhau, phương thức thanh toán đan xen giữa tiền mặt và chuyển khoản, không có sổ sách theo dõi, nên không xác định được chính xác tổng chi phí nhập khí cười. Kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn bán hàng tại quán từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/7/2025, xác định: Quán “Lava” đã bán tổng cộng 1.208 quả bóng cười, với tổng doanh thu 208.410.000 đồng. Đối với các hóa đơn còn lại, Cơ quan điều tra xác minh tại Công ty Cổ phần M2 xác định: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 21/7/2025, Nhà hàng L10 đã xuất tổng cộng 432 hóa đơn có bán bóng cười, số lượng 7.311 quả. Tổng doanh thu 1.143.110.000 đồng, tương ứng khoảng 243 bình khí N₂O. Theo lời khai của bị cáo Ngọc A, C, giá mua bình khí N₂O trung bình khoảng 3.300.000 đồng/bình, tổng chi phí mua bình khí N₂O khoảng 801.900.000 đồng. Từ đó, xác định thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán khí cười tại quán “Lava” là 341.210.000 đồng.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đưa Nguyễn Văn T1 về làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, T1 khai nhận từ ngày 09/6/2025 đến ngày 21/7/2025, T1 giao các bình khí N₂O, loại 3kg cho quán “Lava” do P liên hệ đặt mua. Nguồn gốc các bình khí N₂O, loại 3kg, T1 đặt mua từ các người tên “H2”; tài khoản Telegram “Bạch Cửa T11”, “A H3” và tài khoản S “ISS” (không rõ lai lịch), thanh toán bằng tiền mặt, với giá trung bình khoảng 3.500.000 đồng/bình. Sau đó, T1 thuê dịch vụ vận chuyển công nghệ “G” hoặc “Bee” giao đến quán. Mỗi lần, P đặt mua từ 01 đến 04 bình, giá bán cho quán “Lava” dao động từ 3.600.000 đồng đến 3.800.000 đồng/bình.

Sau khi giao hàng, P thanh toán tiền mua khí bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng T15 số 77xxxx của T1. Qua kiểm tra sao kê tài khoản của T1, T1 đã bán bình khí N₂O cho quán “Lava” 19 lần tổng số tiền 163.600.000 đồng. T1 được hưởng lợi khoảng 300.000 đồng/bình; với doanh thu 163.600.000 đồng tương ứng khoảng 40 - 50 bình khí, số tiền T1 thu lợi bất chính khoảng 12.000.000 đồng - 15.000.000 đồng. T1 không làm việc trực tiếp với Ngọc A, không tham gia vào việc bán bóng cười tại quán “Lava”.

Tại Kết luận giám định số 1983/KL-KTHS ngày 07/8/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Khí trong 04 bình kim loại, màu đen, có van khóa, cần giám định, có tổng khối lượng 5,05kg, đều tìm thấy thành phần khí N₂O (Nitrous Oxide gas); 01 (một) bình không còn khí.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Trịnh Ngọc H, Phan Tiến Đ, Nguyễn Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai của Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Trịnh Ngọc H, Phan Tiến Đ, Nguyễn Văn T1 phù hợp với nhau, phù hợp với biên lai, hóa đơn bán bóng cười do Cơ quan điều tra thu giữ, phù hợp với sao kê ngân hàng, các giao dịch chuyển tiền, kết quả xác minh dữ liệu điện tử, Biên bản đối chất, nhận dạng, tin nhắn điện thoại và lời khai các đối tượng liên quan.

Đối với Phan Ngọc Q, Sen Cẩm D2, là thành viên góp vốn của Công ty TNHH T14, đến cuối năm 2024 thì không còn góp vốn tại Công ty trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ xác định việc Q tham gia quản lý, điều hành, chỉ đạo, cùng thực hiện, hưởng lợi từ việc bán khí N₂O tại quán “Lava”, nên không có cơ sở xử lý.

Đối với Lê Nguyễn Ngọc L2, kế toán dịch vụ làm việc từ xa, nhận hợp đồng làm kế toán cho quán “Lava” với mức lương 5.000.000 đồng/tháng, công việc của L2 là tính toán số liệu doanh thu, chi phí, tiền lương, tiền lãi, tiền lỗ theo số liệu do quán “Lava” cung cấp thông qua group “Báo cáo doanh thu” trên ứng dụng “WhatsApp”, không trực tiếp làm việc tại quán “Lava”, không tham gia quản lý, điều hành, phục vụ việc bán khí cười, không biết việc khí cười được ký hiệu “Pineapple” trên hóa đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ xác định L2 tham gia quản lý, điều hành, và cùng thực hiện, hưởng lợi từ việc bán khí N₂O tại quán “Lava” nên không có cơ sở xử lý.

Đối với các nhân viên của nhà hàng L10 đã nghỉ việc gồm “S1”, “Jen Ngô”, “T12”, “L5”, “Tín” và “Niệm”, do không xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng, nên chưa có cơ sở xử lý; khi nào làm rõ, xử lý sau.

Đối với các đối tượng bán khí cười cho T1 gồm “Hưng”; tài khoản Telegram “Bạch Cửa T11”, “A H3” và tài khoản Signal “ISS”, do không xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng, nên chưa có cơ sở xử lý; khi nào làm rõ, xử lý sau.

Đối với Huỳnh Anh T13, bạn gái của T1, T1 có nhờ T13 tìm khách có nhu cầu sử dụng bình khí N₂O, nhưng chưa phát sinh việc mua bán khí N₂O. Qua xác minh, T13 hiện không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, không rõ đang ở đâu, làm gì, nên chưa có cơ sở xử lý; khi nào làm rõ, xử lý sau.

Vật chứng vụ án:

- 05 (năm) bình kim loại (loại 3kg) chứa khí N₂O;
- 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng Shisha;
- 41 (bốn mươi một) vỏ bóng cao su;
- 01 (một) CPU máy tính, kèm theo các hóa đơn tính tiền từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/07/2025;
- 01 (một) máy chấm công hiệu RONALD JACK, DG-600ID, số SN:

TAS0190760160;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus màu trắng, Imei: 359220902829481, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc A liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei: 354379774490080, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm P liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu trắng, Imei: 353893104585196, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Văn T1 liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, Imei: 353022090771400, đã qua sử dụng (thu giữ của Trịnh Ngọc H liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, Imei 1: 353953101765082, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Tiến Đ liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, Imei: 353246101706689, đã qua sử dụng (thu giữ của Lê Nguyễn Ngọc L2 liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm).

Cơ quan điều tra Công an Thành phố H đã nhập kho vật chứng vào Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 theo Quyết định chuyển vật chứng số 276/QĐ-VKSKV1 ngày 30/3/2026.

Tại bản Cáo trạng số 336/CT-VKS-KV1 ngày 20/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm” được quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ, Trịnh Ngọc H, đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm” được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025. Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025. Tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự: Không có.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ và Trịnh Ngọc H phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Đồng thời áp dụng cho các Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ và Trịnh Ngọc H tình tiết: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A có quá trình làm công tác thiện nguyện, có thư cảm ơn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ và Trịnh Ngọc H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo Cáo trạng số 336/CT-VKS-KV1 ngày 20/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các lần phạm tội của bị cáo Ngọc A chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 rút tình tiết tăng nặng này.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm P từ 08 năm đến 09 năm tù.

Xử phạt bị cáo Phan Tiến Đ từ 08 năm đến 09 năm tù.

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 đề nghị phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 20.000.000 đồng. Không đề nghị phạt bổ sung các bị cáo khác do các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ và Trịnh Ngọc H không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên đề nghị không phạt bổ sung các bị cáo.

Đối với vật chứng của vụ án, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 - Luật sư Trần Thị Thanh L6 trình bày tranh luận:*

1. Về tội danh:

Xuyên suốt trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nhận thức rõ được sai phạm của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Do đó, về tội danh, luật sư không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Trong nội dung bào chữa, tôi tập trung trình bày về nguyên nhân, bối cảnh xảy ra sai phạm, vai trò của bị cáo Nguyễn Văn T1 trong vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo T1 để Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc toàn diện trước khi lượng hình đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

2. Nguyên nhân, hoàn cảnh và vai trò của bị cáo Nguyễn Văn T1:

Trước thời điểm ngày 01/01/2025, theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất xác định khí Dinitơ monoxit (N_2O) là hóa chất nguy hiểm cần kiểm soát đặc biệt khi thực hiện thủ tục khai báo hoá chất nhập khẩu và thuộc Danh mục hoá chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, lưu hành, sử dụng.

Đến ngày 30/11/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 173/2024/QH15 (có hiệu lực ngày 14/01/2025), quy định:

“Quốc hội thống nhất cấm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, chứa chấp, vận chuyển, sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, các loại khí, chất gây nghiện, gây tác hại cho sức khỏe con người từ năm 2025, bảo đảm sức khỏe cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội; giao Chính phủ tổ chức thực hiện cụ thể...”

Trước đó, Bộ Y tế cũng đã có nhiều văn bản không cho phép sử dụng khí N_2O trên người bệnh và không được sử dụng với mục đích vui chơi giải trí vì khí này làm thay đổi trạng thái tâm thần kinh: Công văn số 2954/BYT-KCB ngày 29/5/2019 của Bộ Y tế; Công văn số 6357/BYT-KCB ngày 04/10/2023 của Bộ Y tế.

Do đó, kể từ Nghị quyết số 173/2024/QH15 có hiệu lực, việc kinh doanh khí N_2O sử dụng cho con người là hành vi bị nghiêm cấm do gây tác hại cho sức khỏe con người. Đây là sự thay đổi lớn của pháp luật về chính sách quản lý đối với khí N_2O , chuyển từ quy định “hạn chế, sản xuất kinh doanh trong công nghiệp và kiểm soát đặc biệt khi nhập khẩu” sang “cấm kinh doanh để sử dụng cho con người”.

Bị cáo T1 thực hiện hành vi mua bán khí N₂O từ tháng 06/2025, tức trong giai đoạn các quy định mới vừa được ban hành và triển khai áp dụng trên thực tế. Đồng thời, khí cười cũng không nằm trong danh mục cấm kinh doanh. Do đó, với trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo không nhận thức đầy đủ về sự thay đổi chính sách pháp luật cũng như chưa ý thức hết tính chất nguy hiểm và hậu quả pháp lý nghiêm trọng của hành vi của mình.

Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá nguyên nhân, hoàn cảnh và vai trò của bị cáo Nguyễn Văn T1 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

3. Về các tình tiết tăng nặng mà Cáo trạng đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo T1; Người bào chữa thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

4. Về các tình tiết giảm nhẹ:

Kính mong Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ sau cho bị cáo Nguyễn Văn T1:

Thứ nhất, thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T1:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T1 luôn thành khẩn khai báo, thể hiện sự hối hận sâu sắc, ăn năn hối cải và mong muốn được sửa chữa lỗi lầm đối với hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, tại trang 12 bản Kết luận điều tra số 712/BKL - CSKT ngày 18/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H và trang 11 bản Cáo trạng số 336/CT-VKS KV1 ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đều ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T1 có thái độ khai báo rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

Ngoài ra, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Nguyễn Văn T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như sau:

Một là, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự, khi “Người phạm tội tự nguyện nộp lại ít nhất một phần hai số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội hoặc tiền phạt bổ sung theo bản án, quyết định của Tòa án” thì được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật của mình, do đó, bị cáo đã chủ động tác động gia đình đóng toàn bộ số tiền thu lợi bất chính do hành vi phạm tội của mình gây ra là 15.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí tòa án số 0027249 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Việc bị cáo đóng toàn bộ số tiền này thể hiện bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai phạm của mình, ý thức được việc sửa chữa lỗi lầm và biết nhận trách nhiệm do hành vi phạm tội gây ra.

Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo T1.

Hai là, Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo T1 luôn chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại địa phương.

Bà là, Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T1 có nhiều hoạt động thiện nguyện, tích cực đóng góp cho xã hội, ủng hộ cho người nghèo tại địa phương;

Bốn là, bị cáo T1 có sức khỏe tâm thần kinh không ổn định, có dấu hiệu bị rối loạn tâm lý. Khi mới bị bắt tạm giam, bị cáo T1 có biểu hiện bệnh về tâm thần kinh, rối loạn lo âu, không ăn uống, dẫn đến suy kiệt sức khỏe nên bác sĩ tại nhà tạm giữ đã phải đưa bị cáo T1 nhập viện điều trị nhiều lần. Cụ thể theo hồ sơ bệnh án của Bệnh viện N2, trong thời gian tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực 1 - PC11A, Công an Thành phố H bị cáo Nguyễn Văn T1 đã phải nhập viện điều trị nhiều lần tại Bệnh viện N2 và được bác sĩ chuẩn đoán theo dõi rối loạn thích ứng, ăn uống kém kéo dài, cần được theo dõi về tâm thần kinh và tâm lý.

Bên cạnh đó, gia đình bên nội của bị cáo Nguyễn Văn T1 có tiền sử về bệnh thần kinh. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn T1 có 02 chú ruột mắc bệnh về trí tuệ là ông Nguyễn Văn N1 và ông Nguyễn Văn H4, được Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bắc Ninh xác nhận là người khuyết tật, dạng khuyết tật: Nghe nói, trí tuệ, ở mức độ nặng. Hiện ông N1 và ông H4 đang được gia đình bị cáo Nguyễn Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng và hỗ trợ về mặt tài chính.

Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kính thưa Hội đồng xét xử:

Theo chính sách khoan hồng và nhân đạo của Đảng và Nhà nước, hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn mang tính nhân đạo, nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc áp dụng hình phạt cần đảm bảo tính nghiêm minh nhưng cũng nhân văn, phù hợp với vai trò, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo.

Từ những nội dung bào chữa đã trình bày nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự có 02 loại hình phạt chính là hình phạt tù và hình phạt tiền. Đối với trường hợp bị cáo T1, Bị cáo có sức khỏe tâm sinh lý đặc biệt, trong môi trường giam giữ khép kín, bị cáo luôn trong trạng thái hoảng sợ, lo âu dẫn đến mất kiểm soát, rối loạn các hành vi tâm sinh lý. Trong thời gian tạm giam, bị cáo đã phải nhập viện điều trị nhiều lần tại bệnh viện

N2. Với điều kiện sức khỏe và khả năng tự giáo dục, tự rèn luyện của bị cáo T1 thì việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là điều không thực sự cần thiết. Việc trừng phạt bị cáo bằng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Bổ mẹ ruột bị cáo là bà Nguyễn Thị T4 và ông Nguyễn Văn T3 đã tự nguyện nộp số tiền 350.000.000 đồng vào các sổ tiết kiệm và cam kết dùng toàn bộ số tiền này để đảm bảo thi hành án để xin cho bị cáo được hưởng hình phạt chính là hình phạt tiền.

Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, đây là mức hình phạt phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và đảm bảo sự răn đe phòng ngừa chung cho xã hội, tạo điều kiện để Bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời, lao động chân chính để trở thành người công dân có ích, cống hiến cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 thống nhất với bản bào chữa của luật sư và không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A - Luật sư Nguyễn Thị Tố U trình bày tranh luận:*

1. Về mặt tội danh:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A đã nhận thức rõ được sai phạm của mình và thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Do đó, về mặt tội danh của bị cáo, luật sư không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Trong nội dung bào chữa, luật sư tập trung trình bày về nguyên nhân, bối cảnh xảy ra sai phạm của bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các Bị cáo trong vụ án để Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan trước khi vào nghị án.

2. Về bối cảnh pháp lý, các quy định liên quan đến khí N₂O:

Trước năm 2025, hoạt động sản xuất, kinh doanh khí N₂O (thường gọi là khí cười hoặc bóng cười) không bị cấm tuyệt đối mà thuộc danh mục hoá chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp (theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022).

Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện hoặc chưa được cấp phép thì chủ yếu bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật về quản lý hóa chất.

Ngày 30/11/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 173/2024/QH15, trong đó “thống nhất chủ trương cấm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, chứa chấp, vận chuyển, sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và các loại khí, chất gây nghiện, gây tác hại cho sức khỏe con người từ năm 2025”. Tuy nhiên, tại thời điểm thông qua, Nghị quyết chưa quy định cụ thể những loại khí nào thuộc phạm vi điều chỉnh, cũng chưa xác định rõ thời điểm áp dụng cụ thể trong năm 2025.

Để cụ thể hóa, Luật Đầu tư năm 2025 được thông qua, có hiệu lực thi hành

ngày 01/3/2026, danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh có bổ sung ngành nghề cấm kinh doanh là “Kinh doanh thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng”. Tuy nhiên, khí N₂O vẫn chưa được quy định cụ thể trong danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo Luật Đầu tư hoặc các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Do đó, trong một thời gian dài trước và cả sau ngày 01/01/2025, hoạt động mua bán, cung cấp khí N₂O vẫn diễn ra khá phổ biến tại nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí như nhà hàng, quán bar, karaoke... và trên thực tế thường được nhận diện chủ yếu dưới góc độ vi phạm điều kiện kinh doanh hoặc vi phạm quy định về quản lý hóa chất, hơn là hành vi có thể bị xử lý hình sự.

Khi bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A nhận chuyển nhượng và tiếp quản hoạt động kinh doanh Nhà hàng L10, việc cung cấp “bóng cười” cho khách tại Nhà hàng L10 đã tồn tại từ trước. Trong bối cảnh nhận thức pháp lý xã hội chưa thật sự thống nhất và các quy định pháp luật còn chưa rõ ràng, bị cáo cũng như nhiều cá nhân, tổ chức kinh doanh khác cho rằng hành vi cung cấp khí N₂O cho khách sử dụng tại cơ sở kinh doanh, nếu vi phạm, chủ yếu chỉ bị kiểm tra hoặc xử phạt hành chính do không đáp ứng điều kiện kinh doanh, chứ chưa nhận thức đầy đủ đây là hành vi có thể dẫn đến trách nhiệm hình sự.

Mặt khác, trong giai đoạn 2024 - 2025, Nhà hàng L10 do bị cáo trực tiếp điều hành lâm vào tình trạng kinh doanh thua lỗ, doanh thu sụt giảm nghiêm trọng. Trong khi đó, nhu cầu sử dụng “bóng cười” của khách hàng khá phổ biến; nếu không đáp ứng, khách sẽ rời đi hoặc chuyển sang quán khác. Điều này đặt bị cáo vào tình trạng chịu áp lực lớn về tài chính, buộc phải tìm cách duy trì hoạt động kinh doanh, trang trải chi phí vận hành và bảo đảm thu nhập cho người lao động tại nhà hàng.

Từ những phân tích nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ bối cảnh pháp lý, điều kiện kinh tế, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội cũng như nhận thức pháp luật của bị cáo tại thời điểm xảy ra vụ án, để từ đó có sự đánh giá toàn diện, khách quan và xem xét lượng hình đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A theo hướng khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

3. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đang áp dụng 02 tình tiết tăng nặng cho các bị cáo trong vụ án này nói chung và bị cáo Ngọc A nói riêng là “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a, g khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 đã không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A. Người bào chữa thống nhất và không bổ sung ý kiến gì.

4. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Thứ nhất, luật sư thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Từ giai đoạn điều tra, truy tố cho đến phiên tòa hôm nay, Bị cáo Ngọc A luôn thành khẩn khai báo và bày tỏ sự ăn năn, hối hận sâu sắc về hành vi phạm tội của mình. Tình tiết này đã được ghi nhận tại trang 11 Kết luận điều tra số

712/BKL-CSKT (ngày 18/3/2026) của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, cũng như tại trang 11 Cáo trạng số 336/CT-VKS KV1 (ngày 30/3/2026) của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử cho Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Thứ hai, tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Trong suốt quá trình điều tra và giải quyết vụ án, Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A luôn thể hiện thái độ tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, chủ động khai báo rõ ràng về toàn bộ quá trình tổ chức hoạt động mua bán khí N₂O tại Nhà hàng L10.

Thông qua các Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can và Biên bản đối chất, Bị cáo đã tự nguyện trình bày cụ thể vai trò, nhiệm vụ của từng người tham gia trong quá trình hoạt động của nhà hàng như: Bị cáo Ngọc A là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng L10, quyết định việc nhập khí N₂O để bán cho khách sử dụng tại chỗ; các nhân viên được phân công thực hiện từng công đoạn cụ thể gồm nhận hàng, bơm khí vào bóng cao su, phục vụ khách sử dụng tại bàn, thu tiền và tổng hợp doanh thu hằng ngày.

Đồng thời, Bị cáo cũng chủ động cung cấp thông tin liên quan đến cách thức vận hành, cơ chế phân chia công việc, quản lý dòng tiền và phương thức tiêu thụ khí N₂O tại nhà hàng. Những lời khai và thông tin do Bị cáo cung cấp đã hỗ trợ đáng kể cho Cơ quan điều tra trong việc xác minh, làm rõ phương thức hoạt động, vai trò của các cá nhân liên quan trong vụ án.

Tại trang 11 Bản Kết luận điều tra số 712, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H cũng đã ghi nhận “thái độ tích cực hợp tác” của Bị cáo trong suốt quá trình điều tra vụ án.

Vì vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xem xét áp dụng cho Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, dựa trên các căn cứ thực tế sau:

Thứ nhất: Theo hồ sơ, lời khai của các bị cáo trong vụ án, thời điểm kiểm tra Nhà hàng L10 ngày 27/7/2025, bị cáo Ngọc A không có mặt tại quán do đang ở nước ngoài. Sau khi về Việt Nam, biết được thông tin Nhà hàng L10 bị kiểm tra, dù không có thông báo hay giấy triệu tập từ Cơ quan có thẩm quyền, nhưng ngày 18/8/2025, bị cáo Ngọc A đã chủ động tới trụ sở Công an phường S để trình diện, làm bản tường trình và khai nhận toàn bộ sự việc tại Nhà hàng L10. Đến ngày 20/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can. Việc chủ động, tự nguyện ra trình báo tại Công an phường S của bị cáo Ngọc A đáng được ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

là người phạm tội đầu thú.

(Theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025: “Người phạm tội đầu thú là trường hợp sau khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện, người phạm tội tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình.”)

Thứ hai: Bị cáo đã chủ động tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 341.210.000 đồng (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027032 ngày 29/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh). Việc Bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền này là minh chứng rõ nhất cho sự ăn năn, ý thức chịu trách nhiệm và nỗ lực khắc phục triệt để sai phạm của Bị cáo.

(Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025 khi “Người phạm tội tự nguyện nộp lại ít nhất một phần hai số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội hoặc tiền phạt bổ sung theo bản án, quyết định của Tòa án” thì được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự).

Thứ ba: Bị cáo Ngọc A phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Trước khi xảy ra vụ án, Bị cáo luôn chấp hành tốt mọi quy định và nghĩa vụ công dân tại nơi cư trú.

Thứ tư: Bị cáo là người có tinh thần, trách nhiệm với cộng đồng, thường xuyên tham gia các hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ quà tặng cho các đối tượng đang được chăm sóc tại trung tâm bảo trợ xã hội địa phương. Cụ thể: Thư cảm ơn ngày 20/10/2025 của Trung tâm B2 - Sở Y tế tỉnh H cảm ơn Nguyễn Thị Ngọc A đã nhiều lần quyên góp, chia sẻ, động viên và tặng quà cho các đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm (bản sao y chứng thực); Thư cảm ơn ngày 22/8/2025 của Chùa T16, Nhà trẻ Từ thiện cảm ơn Nguyễn Thị Ngọc A đã nhiều lần quyên góp nhu yếu phẩm, cúng dường Tam Bảo, các em mồ côi - Dưỡng lão (bản sao y chứng thực); Thư cảm ơn ngày 06/9/2025 của Chùa T16, Nhà trẻ Từ thiện cảm ơn Nguyễn Thị Ngọc A đã quyên góp một tấn gạo (bản sao y chứng thực); Giấy chứng nhận ngày 26/9/2025 của Quỹ Vinacapital ghi nhận sự đóng góp của Nguyễn Thị Ngọc A trong việc hỗ trợ chiến dịch “Phân đấu vì trái tim khỏe mạnh”, chiến dịch đã giúp đỡ 10 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn mắc dị tật tim bẩm sinh vào tháng 12 năm 2021 (bản sao y chứng thực);

Hình ảnh Nguyễn Thị Ngọc A tham gia các hoạt động từ thiện, cụ thể:

Hình ảnh trao tặng áo ấm mùa đông ngày 9/9 tại xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; Hình ảnh trao tặng phần quà cho 300 người khuyết tật tại Làng M Sóc Trăng ngày 21/5/2024; Hình ảnh trao quà cho 476 học sinh tại Trường Tiểu học M3 - Hà Giang vào ngày 01/02/2024; Hình ảnh tham gia chương trình học bổng thấp sáng giấc mơ dệt nắng cho dự án thiện nguyện của CLB Thấp sáng ước mơ, Trường Đại học K2 ngày 13/01/2024 tại T; Hình ảnh trao quà trang thiết bị học tập, tiền vào gạo cho 513 trẻ em Mậu Huệ B, Hà Giang trong dự án Chắp cánh tới trường.

Thứ năm: Bị cáo vừa là mẹ đơn thân và cũng là lao động chính trong gia đình. Bị cáo là chỗ dựa duy nhất về mặt vật chất cũng như tinh thần đối với hai con nhỏ đang tuổi đến trường (cháu lớn sinh năm 2008, cháu nhỏ sinh năm 2010).

Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng cho Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như luật sư đã trình bày trên.

Kính thưa Hội đồng xét xử:

Đằng sau mỗi bản án không chỉ là sự nghiêm minh của pháp luật mà còn là tính nhân đạo sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta. Hình phạt tối ưu nhất là hình phạt vừa đủ để răn đe, nhưng cũng mở ra một con đường hoàn lương cho người phạm tội.

Với toàn bộ nội dung bào chữa vừa trình bày, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh phạm tội của bị cáo trong tình hình, bối cảnh pháp lý, cùng với việc xem xét chấp thuận áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A. Kính mong Hội đồng xét xử tuyên một mức án nhẹ nhất, thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị, cụ thể là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong hình phạt liền kề (dưới 08 năm tù), tạo điều kiện cho Bị cáo sớm trở về với hai con, có cơ hội làm lại cuộc đời, tiếp tục lao động và chuộc lại lỗi lầm bằng những cống hiến có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A thống nhất với bản bào chữa của luật sư và không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Người bào chữa cho bị cáo Phan Tiến Đ - Luật sư Lê Văn B trình bày ý kiến tranh luận:*

1. Về tội danh:

Theo Bản cáo trạng số 336/CT-VKSKV1 ngày 30/03/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng “từ tháng 4/2024 đến 27/7/2025, bị cáo Phan Tiến Đ là nhân viên phục vụ quán LaVa, thực hiện hành vi bơm khí N2O vào bóng cao su để cung cấp cho khách sử dụng, kiểm đếm số lượng bóng đã bán và báo lại cho P để nhập vào phần mềm bán hàng và in hóa đơn tính tiền cho khách, đồng phạm với Ngọc A, Cầm P bán bóng cười khí N2O trái phép số lượng 7311 quả, tổng doanh thu 1.143.110.000 đồng, tương đương khoảng 243 bình khí N2O, thu lợi bất chính là khoảng 341.210.000 đồng. Hành vi bị cáo đã phạm vào tội Buôn bán hàng cấm thuộc trường hợp “Hàng hóa khác mà nhà nước cấm kinh doanh, cấm sử dụng...trị giá 500.000.000 đồng trở lên,...” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015”.

Theo tôi nhận thấy nhận định nói trên của cơ quan điều tra chưa bảo đảm căn cứ. Bởi lẽ:

Thứ nhất, Từ tháng 4/2024 đến đầu tháng 6/2025 bị cáo Phan Tiến Đ chỉ được phân công nhiệm vụ pha chế rượu, cocktail, xuất rượu từ quầy cho nhân viên phục vụ. Từ tháng 6/2025 đến ngày 27/7/2025 thì bị cáo Đ mới được bị cáo Ngọc A trực tiếp chỉ đạo, điều hành phân công nhiệm vụ: pha chế rượu, cocktail, xuất rượu từ quầy cho nhân viên phục vụ và phụ bơm khí cười vào bóng cao su sau đó cung cấp bán cho khách sử dụng tại quán và phụ giúp tiếp nhận bình kim loại chứa khí N2O mang vào quán cất giấu.

Bên cạnh đó, theo Bản tường trình tại bút lục 286, Biên bản ghi lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A tại bút lục 276-281: Nhiệm vụ bị cáo Phan Tiến Đ là nhiệm vụ pha chế với các món nước uống: Rượu, cocktail cho khách. Đồng thời, từ tháng 6/2025 khi quán đông khách thì Đ sẽ cùng P và H4 tiếp nhận cất giữ bình kim loại chứa khí cười được mang đến quán để cất trong quán, khi khách đông thì Đ còn hỗ trợ việc bơm khí N2O và mang cho khách sử dụng hút tại quán.

Ngoài ra, theo Biên bản ghi lời khai Lê Nguyễn Ngọc L2 tại bút lục số 411 thì nhiệm vụ chính bị cáo Phan Tiến Đ là làm nhiệm vụ pha chế.

Thứ hai, theo thống kê hóa đơn có bóng cười của nhà hàng L10 từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/7/2025 tổng số tiền là 208.410.000 đồng. Tổng số tiền thông qua dữ liệu trích xuất, thống kê số bill (hóa đơn tính tiền) từ máy tính tiền cố định tại quán (MPOS) xác định từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/7/2025 tổng số tiền bán bóng cười cho khách là 208.410.000 đồng.

Do đó Bị cáo Phan Tiến Đ chỉ phải chịu trách nhiệm chung tội Buôn bán hàng cấm thuộc trường hợp “Hàng hóa khác mà nhà nước cấm kinh doanh, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng...” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015” từ hoạt động bán khí cười tại nhà hàng L10 trong thời gian từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/7/2025 với tổng doanh thu 208.410.000 đồng.

2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Luật sư đồng ý với nhận định này theo cáo trạng.

Tuy nhiên, theo quan điểm của luật sư, bị cáo còn được hưởng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác như sau:

+ Theo Bản kết luận điều tra số C712/BKL-CSKT ngày 18/3/2026 bút lục 798 trang số 13 Cơ quan điều tra đã xác nhận “Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra” giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết dứt điểm vụ án. Trong suốt quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, bị cáo luôn thực sự thành khẩn khai báo, cung cấp đầy đủ, trung thực tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc. Ngay từ khi làm việc với cơ quan điều tra, bị cáo đã tự nguyện hợp tác, không quanh co, không che giấu hành vi của mình và luôn có thái độ tích cực trong quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo đã chủ động cung cấp các thông tin liên quan đến vụ án, quá trình giao dịch cũng như các giấy tờ, tài liệu cần thiết để hỗ trợ cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng làm rõ nội dung vụ án. Việc bị cáo hợp tác xuyên suốt trong quá trình điều tra đã góp phần giúp cơ quan chức năng tiết kiệm thời gian, công sức trong việc xác minh, làm rõ các tình tiết của vụ án; bị cáo tự nguyện khai báo, không che giấu sai phạm, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra thể hiện rõ sự ăn năn, hối cải và mong muốn khắc phục hậu quả, sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án” theo quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này rõ ràng bị cáo có vị trí, vai trò thứ yếu và không đáng kể.

Bị cáo là nhân viên pha chế, làm việc cố định với mức lương 5.500.000 đồng/tháng và tiền lương phụ cấp 1 triệu đồng/tháng. Số tiền công 42.000.000 đồng mà bị cáo Đ nhận được từ ngày 1/1/2025 đến 27/7/2025 thực chất là tiền lương cố định và tiền tip bao gồm cả phục vụ ăn uống, bung bê, pha chế, rượu bia hợp pháp. So với mức sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, lương tối thiểu này dùng duy trì cuộc sống, không được xem là làm giàu bất chính. Bị cáo chỉ giữ vai trò thứ yếu, không đáng kể là người làm công ăn lương, thực hiện mệnh lệnh công việc cấp trên trực tiếp. Bị cáo là người con ngoan hiền phụ giúp gia đình bằng nhiều công việc như quay tiktok, chụp hình...vào buổi sáng chứ không phải bị cáo chỉ có công việc pha chế ở quán LaVa là công việc chính. Bị cáo hoàn toàn không được tham gia bàn bạc, không tham gia vào khâu tổ chức, không có sự câu kết, không biết về nguồn cung cấp hay mua bán khí N2O, không tham gia quyết định hay phản đối về mọi việc. Nhiệm vụ chính của bị cáo là nhân viên pha chế làm việc ở quầy nên chỉ khi nào thực sự thiếu người thì bị cáo H4, P mới nhờ bị cáo phụ thêm mấy việc lật vật khác. Hành vi bị cáo không thể coi là mất xích quan trọng trong vụ việc trên, nếu không có bị cáo Đ thì mọi việc vẫn diễn ra bình thường không bị ngắt quãng.

Căn cứ công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC đã giải thích tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” như sau: Phạm tội lần đầu là từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào.

“Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” là phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau: Phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Phan Tiến Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Bị cáo đã chủ động tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả chung thay cho mình và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A đã nộp tiền khắc phục chung thay cho bị cáo.

Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự: Bị cáo Phan Tiến Đ có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo đạt thành tích học sinh giỏi toàn cấp năm học 2015-2016 Trường THCS C1.

Gia đình bị cáo Phan Tiến Đ là gia đình có công với cách mạng:

+ Ông cố ngoại liệt sĩ Phan Văn C đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước được tổ quốc ghi công theo Quyết định số 398 ngày 21/4/1978.

+ Ông nội Phan Ngọc M1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 77/QĐ/CTN ngày 10/02/2004.

+ Bà cô Trần Thị B1 được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng

theo Quyết định số 3466/QĐ-CTN ngày 26/12/2014.

3. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đang áp dụng 02 tình tiết tăng nặng cho các bị cáo trong vụ án này nói chung và bị cáo Phan Tiến Đ nói riêng là “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a, g khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 đã không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Phan Tiến Đ. Người bào chữa thống nhất và không bổ sung ý kiến gì.

Do đó, căn cứ các điểm b, i, s, t, khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP; Xem xét hoàn cảnh nhân thân, hoàn cảnh gia đình cùng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đồng thời Bị cáo phạm tội lần đầu, là đồng phạm giản đơn khi thực hiện hành vi trên có vai trò không đáng kể. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, đang là sinh viên Đại học, gia đình có công với cách mạng, có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già. Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng đặc biệt và tuyên bị cáo Phan Tiến Đ hình phạt theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 với mức phạt tù thấp nhất là hoàn toàn phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Phan Tiến Đ thống nhất với bản bào chữa của luật sư và không bổ sung ý kiến gì thêm.

* Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm P và bị cáo Trịnh Ngọc H thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đối đáp lại ý kiến tranh luận của người bào chữa:*

- Đối với ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận. Tại bản luận tội, Viện kiểm sát cũng đã áp dụng cho bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không áp dụng tình tiết tăng nặng và cũng đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Đối với ý kiến tranh luận của Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Văn T1 và Phan Tiến Đ về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 không đồng ý với quan điểm này bởi: Căn cứ khoản 18 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “...là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội chủ động, tích cực giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tạo ra những biến đổi, thay đổi trong việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án dẫn tới việc giải quyết vụ án đó được thực hiện nhanh hơn; Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án được thể hiện bằng việc cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án; chỉ nơi cất giấu vật chứng, công cụ, phương tiện phạm tội; cung cấp thông tin, nơi trốn tránh của các đồng phạm khác”.

Quá trình điều tra các bị cáo không cung cấp được thông tin, tài liệu, đồ vật có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án; không cung cấp được thông tin của các nhân viên đã nghi việc để làm rõ vai trò, vị trí và trách nhiệm của từng nhân viên. Hơn nữa, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra đã được Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Đối chiếu với quy định này, các bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này.

- Đối với ý kiến của người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở bởi: Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQQ-HĐTP ngày 30/9/2025 quy định “Người phạm tội đầu thú là trường hợp sau khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện, người phạm tội tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình”. Trường hợp này, khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra nhà hàng L10, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì bị cáo Ngọc A mới đến trình diện tại cơ quan công an.

- Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phan Tiến Đ về việc bị cáo Phan Tiến Đ chỉ phải chịu trách nhiệm chung tội Buôn bán hàng cấm thuộc trường hợp “Hàng hóa khác mà nhà nước cấm kinh doanh, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng...” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015” từ hoạt động bán khí cười tại nhà hàng L10 trong thời gian từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/7/2025 với tổng doanh thu 208.410.000 đồng, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực nhận thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đ thừa nhận vào làm việc tại Nhà hàng L10 từ tháng 4/2024 cho đến khi bị bắt; công việc của Đ là pha chế và bấm bill cho khách, khi khách có nhu cầu sử dụng bóng cười thì Đ sẽ là người trực tiếp ghi nhận yêu cầu của khách và gửi đến bộ phận cung cấp bóng cười của quán. Hơn nữa, trong quá trình điều tra, bị cáo Đ đã xác nhận vào bảng thống kê bán hàng liên quan sản phẩm Pineapple (khí cười) do Công ty M2 cung cấp (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 27/7/2025), trong đó thể hiện rõ bị cáo Đ có phục vụ bóng khí cười từ ngày 01/01/2025. Do đó ý kiến bào chữa này của luật sư là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị cho bị cáo Phan Tiến Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025, Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm này. Bị cáo Phan Tiến Đ phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A trong việc buôn bán hàng cấm. Tuy bị cáo Đ phạm tội lần đầu nhưng không phải là tội phạm ít nghiêm trọng. Vì vậy không thể xem bị cáo Đ có vai trò thứ yếu, có vị trí không đáng kể nên không có cơ sở áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phan Tiến Đ về việc đề nghị cho bị cáo Phan Tiến Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” do đã được bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A nộp dùm bị cáo Đ số tiền thu lợi bất chính 42.000.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 không đồng ý với quan điểm của người bào chữa vì: Việc nộp lại số tiền

đó là tiền thu lợi bất chính chứ không phải là nộp tiền để khắc phục hậu quả. Đồng thời Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ.

- Đối với ý kiến của người bào chữa về việc đề nghị cho bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 do gia đình bị cáo có công với cách mạng, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Từ các căn cứ nêu trên, không có cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn của khung hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A và áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Đ theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

* Người bào chữa cho các bị cáo không bổ sung ý kiến tranh luận gì thêm.

* Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn, hối cải vì hành vi phạm tội của mình, tha thiết mong Hội đồng xét xử tuyên phạt mức án nhẹ nhất có thể để sớm trở về với xã hội, làm lại cuộc đời, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ và Trịnh Ngọc H đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các biên bản ghi nhận sự việc; biên bản lời khai; biên bản khám xét khẩn cấp; biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng; kết luận giám định; xác nhận của các bị cáo đối với hình ảnh vật chứng thu giữ; lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ 50 phút ngày 27/7/2025, Tổ công tác Công an phường S, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh quán Lava tại địa chỉ số G H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Thị Ngọc A làm chủ, phát hiện quán Lava đang cất giữ 05 bình kim loại, màu đen, có van khóa, có tổng khối lượng 5,05kg, đều tìm thấy thành phần khí N₂O (N₃); 41 vỏ bóng cao su nhằm mục đích mua bán khí N₂O (khí cười) trái phép cho khách hàng sử dụng.

[3] Từ tháng 04/2024 đến ngày 27/7/2025, Nguyễn Thị Ngọc A là chủ cơ sở kinh doanh quán Lava, có hành vi trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành bán bóng cười khí N₂O, Ngọc A chỉ đạo ký hiệu trên hóa đơn là “Pineapple”, buôn bán trái phép tổng cộng 432 hóa đơn có bán bóng cười, số lượng 7.311 quả, tổng doanh thu

1.143.110.000 đồng, tương đương khoảng 243 bình khí N₂O, thu lợi bất chính là khoảng 341.210.000 đồng đến 461.210.000 đồng.

[4] Nguyễn Thị Cẩm P là thu ngân của quán ", chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp từ Ngọc A, có nhiệm vụ điều hành, phân phối, thu tiền từ việc bóng cười khí N₂O trái phép, đồng phạm với Ngọc A bán bóng cười khí N₂O trái phép số lượng 7.311 quả, tổng doanh thu 1.143.110.000 đồng, tương đương khoảng 243 bình khí N₂O, thu lợi bất chính khoảng 341.210.000 đồng đến 461.210.000 đồng.

[5] Trịnh Ngọc H, Phan Tiến Đ là nhân viên phục vụ quán Lava, thực hiện hành vi ghi lại thông tin khách hàng đặt bóng khí cười, bơm khí N₂O vào bóng cao su để cung cấp cho khách sử dụng, kiểm đếm số lượng bóng đã bán và báo lại cho P để nhập vào phần mềm bán hàng và in hóa đơn tính tiền cho khách, đồng phạm với Ngọc A, Cẩm P bán bóng cười khí N₂O trái phép số lượng 7.311 quả, tổng doanh thu 1.143.110.000 đồng, tương đương khoảng 243 bình khí N₂O, thu lợi bất chính là khoảng 341.210.000 đồng đến 461.210.000 đồng.

[6] Các bị cáo đồng phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Các bị cáo đã cùng nhau thống nhất ý chí, sắp xếp, phân công nhiệm vụ để thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Do đó, hành vi nêu trên của Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Trịnh Ngọc H, Phan Tiến Đ đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” thuộc trường hợp “Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm sử dụng... trị giá 500.000.000 đồng trở lên,...” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[8] Nguyễn Văn T1 có hành vi bán bình khí N₂O cho quán Lava của Nguyễn Thị Ngọc A tổng cộng 19 lần với tổng số tiền 163.600.000 đồng, tương đương từ 40 - 50 bình khí N₂O nhằm mục đích thu lợi bất chính. T1 được hưởng lợi khoảng 300.000 đồng/bình, tổng số tiền thu lợi bất chính từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nên hành vi của T1 đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[9] Do đó, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[10] Hành vi phạm tội của các bị cáo T1, A, P, Đ, H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý hàng cấm. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý chỉ vì tư lợi cá nhân, muốn kiếm tiền nhanh mà không phải lao động nhiều. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[11] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A cho rằng bị cáo Ngọc A được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đầu thú, Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên không chấp nhận ý kiến bào chữa này của luật sư.

[12] Xét ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên lời bào chữa của luật sư là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Xét ý kiến bào chữa của luật sư, đề nghị cho bị cáo Phan Tiến Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025, Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên lời bào chữa của luật sư là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phan Tiến Đ đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo Đ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự 2015, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đ thừa nhận vào làm việc tại Nhà hàng L10 từ tháng 4/2024 cho đến khi bị bắt; công việc của Đ là pha chế và ghi bill, cụ thể khi khách có nhu cầu sử dụng bóng cười thì Đ sẽ là người trực tiếp ghi nhận yêu cầu của khách và gửi đến bộ phận cung cấp bóng cười của quán. Hơn nữa, trong quá trình điều tra, bị cáo Đ đã xác nhận vào bảng thống kê bán hàng liên quan sản phẩm Pineapple (khí cười) do Công ty M2 cung cấp (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 27/7/2025), trong đó thể hiện rõ bị cáo Đ có phục vụ bóng khí cười từ ngày 01/01/2025. Do đó ý kiến của người bào chữa là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải; đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 15.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027249 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải; đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 341.210.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027032 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn và là người trực tiếp nuôi 02 con nhỏ. Trước khi bị bắt, Bị cáo là người có tinh thần, trách nhiệm với cộng đồng, thường xuyên tham gia các hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ quà tặng cho các đối tượng đang được chăm sóc tại trung tâm bảo trợ xã hội địa phương, cụ thể: Thư cảm ơn ngày 20/10/2025 của Trung tâm B2 - Sở Y tế tỉnh H cảm ơn Nguyễn Thị Ngọc A đã nhiều lần quyên góp, chia sẻ, động viên và tặng quà cho các đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm; Thư cảm ơn ngày 22/8/2025 của Chùa T16, Nhà trẻ Từ thiện cảm ơn Nguyễn Thị Ngọc A đã nhiều lần quyên góp nhu yếu phẩm, cúng dường Tam Bảo, các em mồ côi - Dưỡng lão; Thư cảm ơn ngày 06/9/2025 của Chùa T16, Nhà trẻ Từ thiện cảm ơn Nguyễn Thị Ngọc A đã quyên góp một tấn gạo; Giấy

chứng nhận ngày 26/9/2025 của Quỹ Vinacapital ghi nhận sự đóng góp của Nguyễn Thị Ngọc A trong việc hỗ trợ chiến dịch “Phân đấu vì trái tim khỏe mạnh”, chiến dịch đã giúp đỡ 10 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn mắc dị tật tim bẩm sinh vào tháng 12 năm 2021...

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

- Đối với các bị cáo Phan Tiến Đ, Nguyễn Thị Cẩm P và Trịnh Ngọc H: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã được bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 42.000.000 đồng đối với bị cáo Phan Tiến Đ; 42.000.000 đồng đối với bị cáo Trịnh Ngọc H và 36.000.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm P theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027032 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, ông cố ngoại của bị cáo Phan Tiến Đ là liệt sĩ Phan Văn C đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước được tổ quốc ghi công theo Quyết định số 398 ngày 21/4/1978; ông nội bị cáo Phan Tiến Đ là Phan Ngọc M1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 77/QĐ/CTN ngày 10/02/2004 và bà cố Trần Thị B1 được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 3466/QĐ-CTN ngày 26/12/2014.

Do đó các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

[16] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 về việc rút đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát và ý kiến bào chữa của các luật sư.

[17] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt mới đảm bảo nguyên tắc phân hóa trách nhiệm trong luật hình sự.

[18] Các bị cáo P, Đ, H phạm tội với vai trò đồng phạm nên cần xem xét vai trò, tính chất có phần ít hơn so với bị cáo Ngọc A. Các bị cáo P, Đ, H phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội của các bị cáo có mức độ, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm đối với các bị cáo về tội “Mua bán hàng cấm” như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[19] Đối với bị cáo Ngọc A: Bị cáo là chủ nhà hàng L10 có vai trò quản lý, điều hành nhà hàng hoạt động buôn bán bóng khí cười nên xem xét vai trò, vị trí có phần cao hơn các bị cáo còn lại nhằm phân hóa vai trò của từng bị cáo. Tuy nhiên bị cáo Ngọc A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhiều đóng góp thiện nguyện cho xã hội, là mẹ đơn thân, nuôi con nhỏ và tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính nên cũng cần cân nhắc, đảm bảo sự công bằng với các bị cáo khác trong vụ án khi lượng hình đối với bị cáo Ngọc A.

[20] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Xét toàn diện vụ án thấy rằng, hiện nay

chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền để nhằm thu lại khoản tiền bị cáo đã gây thất thoát cho Nhà nước, cụ thể tại khoản 1 của Điều 190 Bộ luật Hình sự về tội “Mua bán hàng cấm” có quy định phạt tiền là hình phạt chính. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự thể hiện ở việc trước lần phạm tội này bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa Hội xét xử xét thấy: Cha mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị T4 và ông Nguyễn Văn T3 đã tự nguyện nộp số tiền 350.000.000 đồng vào các sổ tiết kiệm và cam kết dùng toàn bộ số tiền này để đảm bảo thi hành án nhằm đề nghị cho bị cáo được hưởng hình phạt chính là hình phạt tiền. Như vậy bị cáo có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành án hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Hơn nữa bị cáo đã bị tạm giam gần 10 tháng. Xét thấy thời gian tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy cần phạt tiền đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam bởi một tội phạm khác.

[21] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất hành vi, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt tiền về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại khoản 4 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 20.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm P, Trịnh Ngọc H và Phan Tiến Đ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm ổn định nên đề nghị của Viện kiểm sát về việc không phạt bổ sung bị cáo P, Đ và H là có cơ sở.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T1 bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[22] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 05 (năm) bình kim loại (loại 3kg) chứa khí N₂O; 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng Shisha; 41 (bốn mươi một) vỏ bóng cao su; Xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) CPU máy tính, kèm theo các hóa đơn tính tiền từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/07/2025; 01 (một) máy chấm công hiệu RONALD JACK, DG-600ID, số SN: TAS0190760160: Xét là công cụ phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus màu trắng, Imei: 359220902829481, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc A liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei: 354379774490080, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm P liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu trắng, Imei: 353893104585196, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Văn T1 liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, Imei: 353022090771400, đã qua sử dụng (thu giữ của Trịnh Ngọc H liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, Imei 1: 353953101765082,

đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Tiến Đ liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, Imei: 353246101706689, đã qua sử dụng (thu giữ của Lê Nguyễn Ngọc L2 liên quan đến hoạt động buôn bán hàng cấm). Xét là phương tiện hỗ trợ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã nhập kho vật chứng vào Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 89/2026 ngày 13/5/2026.

[23] Đối với Phan Ngọc Q, Sen Cẩm D2, là thành viên góp vốn của Công ty TNHH T14, đến cuối năm 2024 thì không còn góp vốn tại Công ty trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ xác định việc Q tham gia quản lý, điều hành, chỉ đạo, cùng thực hiện, hưởng lợi từ việc bán khí N2O tại quán Lava nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có cơ sở.

[24] Đối với Lê Nguyễn Ngọc L2, kế toán dịch vụ làm việc từ xa, nhận hợp đồng làm kế toán cho quán “Lava” với mức lương 5.000.000 đồng/tháng, công Việc của L2 là tính toán số liệu doanh thu, chi phí, tiền lương, tiền lãi, tiền lỗ theo số liệu do quán “Lava” cung cấp thông qua group “Báo cáo doanh thu” trên ứng dụng “WhatsApp”, không trực tiếp làm việc tại quán “Lava”, không tham gia quản lý, điều hành, phục vụ việc bán khí cười, không biết việc khí cười được ký hiệu “Pineapple” trên hóa đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ xác định L2 tham gia quản lý, điều hành, và cùng thực hiện, hưởng lợi từ việc bán khí N2O tại quán “Lava”, nên không có cơ sở xử lý.

[25] Đối với các nhân viên của nhà hàng L10 đã nghỉ việc gồm “S1”, “Jen Ngô”, “T12”, “L5”, “Tín” và “Niệm”, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng, nên chưa có cơ sở xử lý. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[26] Đối với các đối tượng bán khí cười cho T1 gồm “Hưng”; tài khoản Telegram “Bạch Cửa T11”, “A H3” và tài khoản Signal “ISS”, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng, nên chưa có cơ sở xử lý. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[27] Đối với Huỳnh Anh T13, bạn gái của T1, T1 có nhờ T13 tìm khách có nhu cầu sử dụng bình khí N2O, nhưng chưa phát sinh việc mua bán khí N2O. Qua xác minh, T13 hiện không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, không rõ đang ở đâu, làm gì nên chưa có cơ sở xử lý. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[28] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 47 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 400.000.000 đồng về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Văn T1 thu lợi bất chính là 15.000.000 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027249 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H).

2. Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn T1 ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Căn cứ điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 22/8/2025.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A thu lợi bất chính là 341.210.000 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027032 ngày 29/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm P 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 22/8/2025.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Thị Cẩm P thu lợi bất chính là 36.000.000 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027032 ngày 29/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Phan Tiến Đ 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 22/8/2025.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Phan Tiến Đ thu lợi bất chính là 42.000.000 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027032 ngày 29/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Căn cứ Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 22/8/2025.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Trịnh Ngọc H thu lợi bất chính là 42.000.000 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027032 ngày 29/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

* Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) bình kim loại (loại 3kg) chứa khí N2O; 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng Shisha; 41 (bốn mươi một) vỏ bóng cao su.

* Nộp vào Ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) CPU máy tính, kèm theo các hóa đơn tính tiền từ ngày 29/5/2025 đến ngày 27/07/2025;

- 01 (một) máy chấm công hiệu RONALD JACK, DG-600ID, số SN: TAS0190760160;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus màu trắng, Imei: 359220902829481, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei: 354379774490080, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu trắng, Imei: 353893104585196, đã qua sử dụng

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, Imei: 353022090771400, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, Imei 1: 353953101765082, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, Imei: 353246101706689, đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã nhập kho vật chứng vào Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 89/2026 ngày 13/5/2026.

8. Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Cẩm P, Phan Tiến Đ và Trịnh Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

9. Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an TP.HCM (CQCSĐT, PV06);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 1 - TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Hạnh